CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

Ngày 30/06/2025	7,990 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.1%	**7.1%**	**0.1%**

DT thuần
Q2/25
116
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.00| -3.5%
YoY: ▲ 16.0| 15.8%

LN thuần
Q2/25
25.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.80| -15.8%
YoY: ▲ 11.7| 83.4%

LN sau thuế
Q2/25
18.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.80| -16.8%
YoY: ▲ 25.8| 364%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
26.7%
YoY: +/-▼ 3.2%

ROE (TTM)
Q2/25
1.7%
YoY: +/-▲ 2.8%

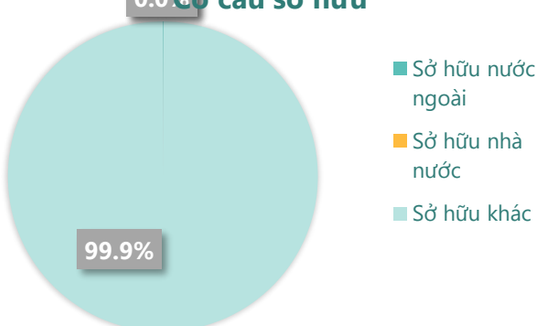
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,250 - 10,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	723
Số lượng CPLH (CP)	90,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,240
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.31
EPS	101
P/E	79.5

DT thuần
6T 2025
236
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.0| 10.6%

LN thuần
6T 2025
56.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.7| 49.9%

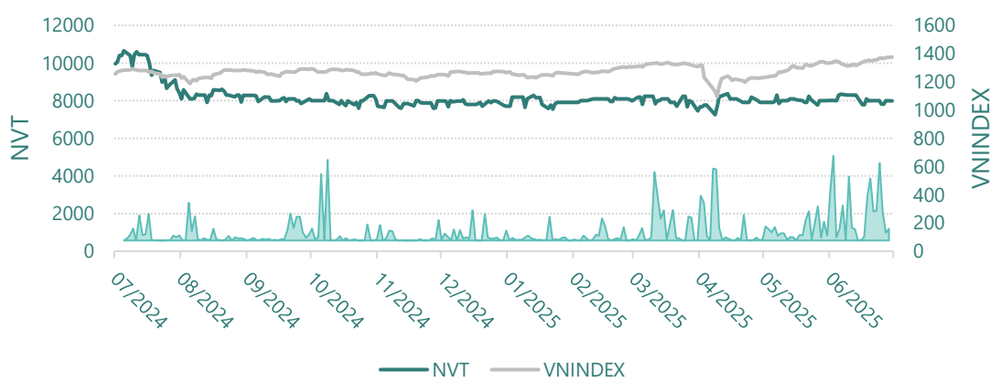
LN sau thuế
6T 2025
41.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.8| 335%

Cơ cấu sở hữu

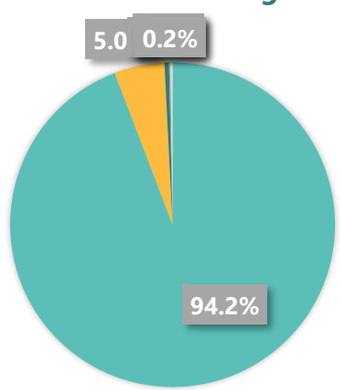


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



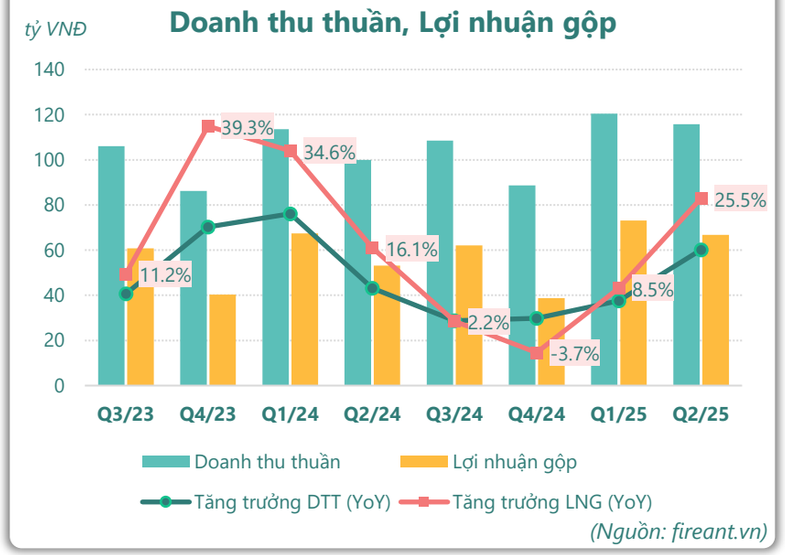
Cơ cấu cổ đông



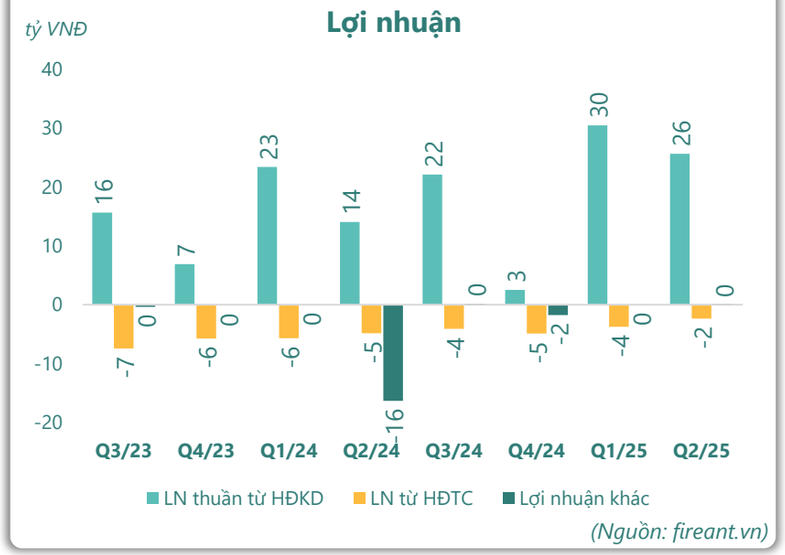


(Nguồn: fireant.vn)

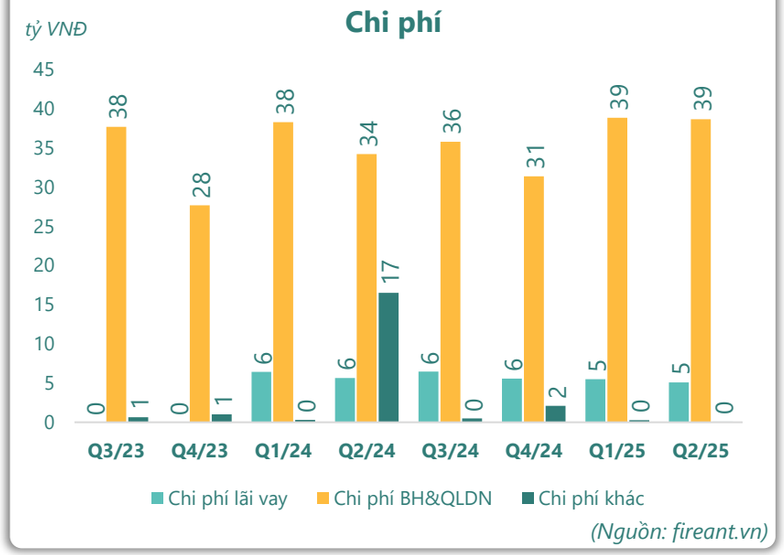
KẾT QUẢ KINH DOANH



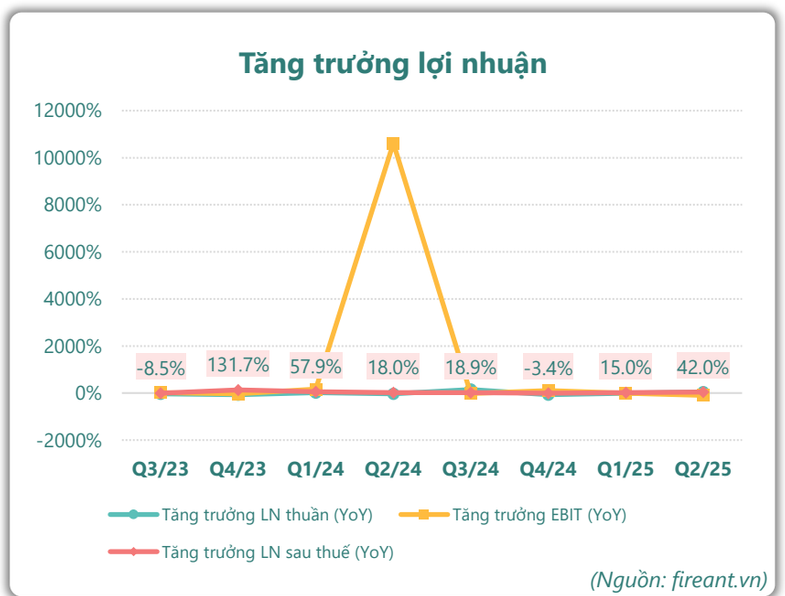
(Nguồn: fireant.vn)



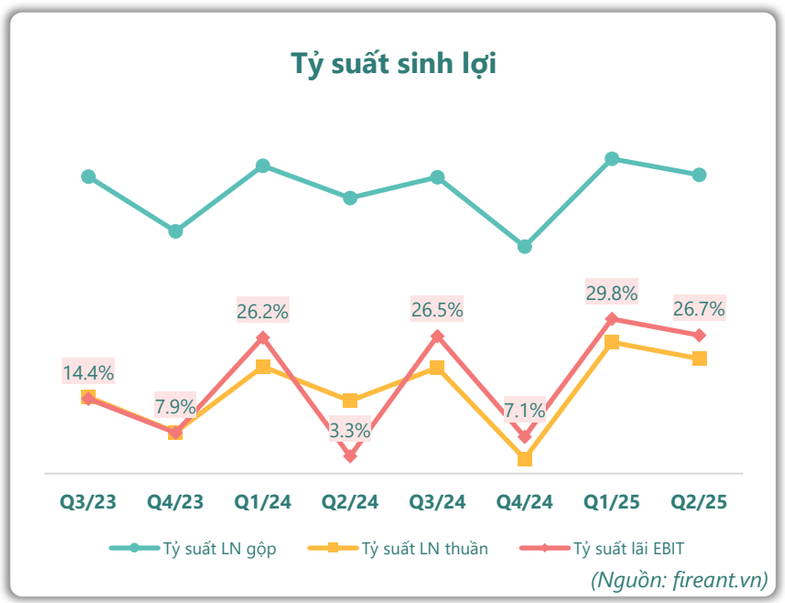
(Nguồn: fireant.vn)



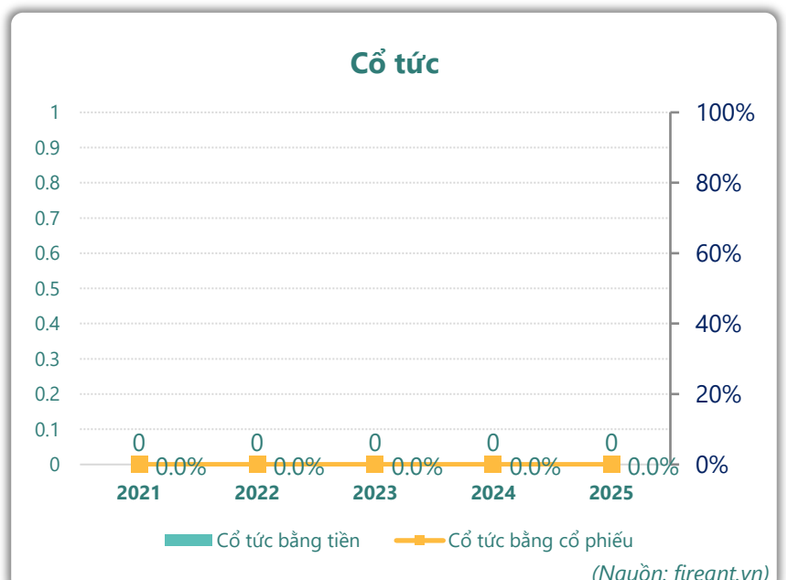
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

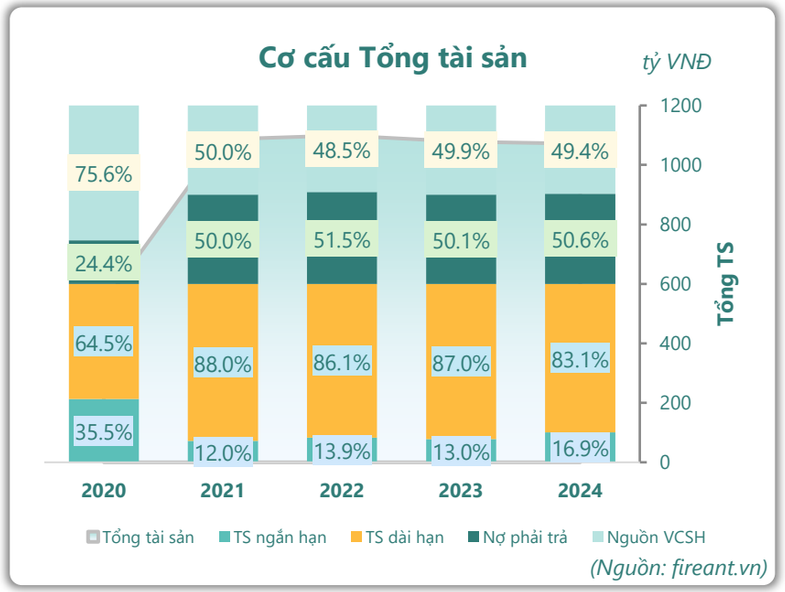


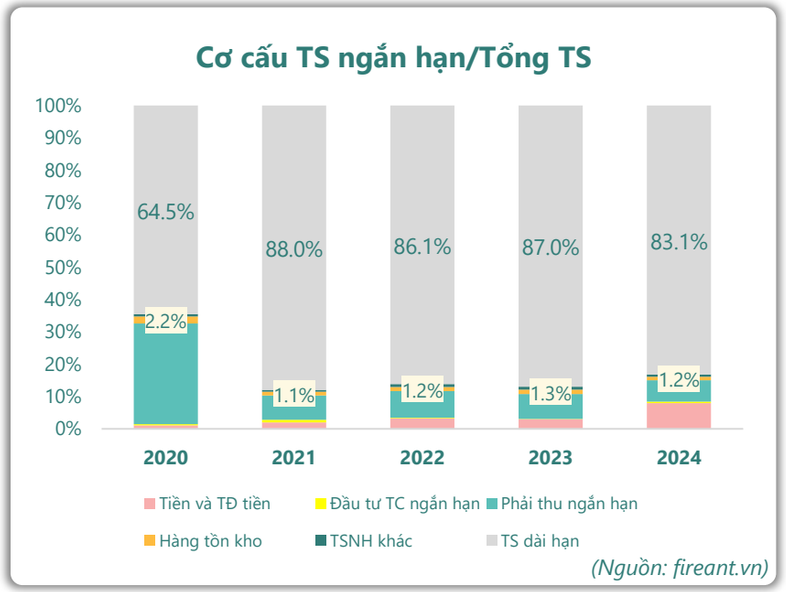
(Nguồn: fireant.vn)

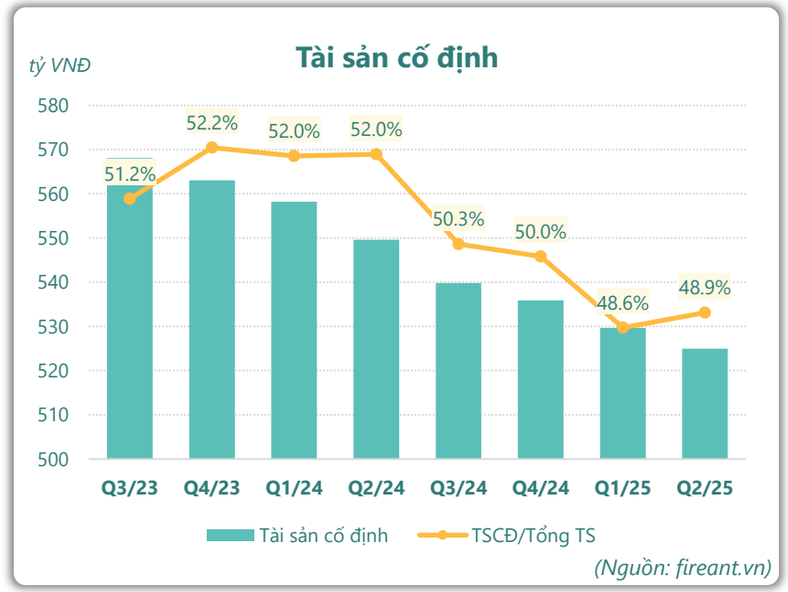


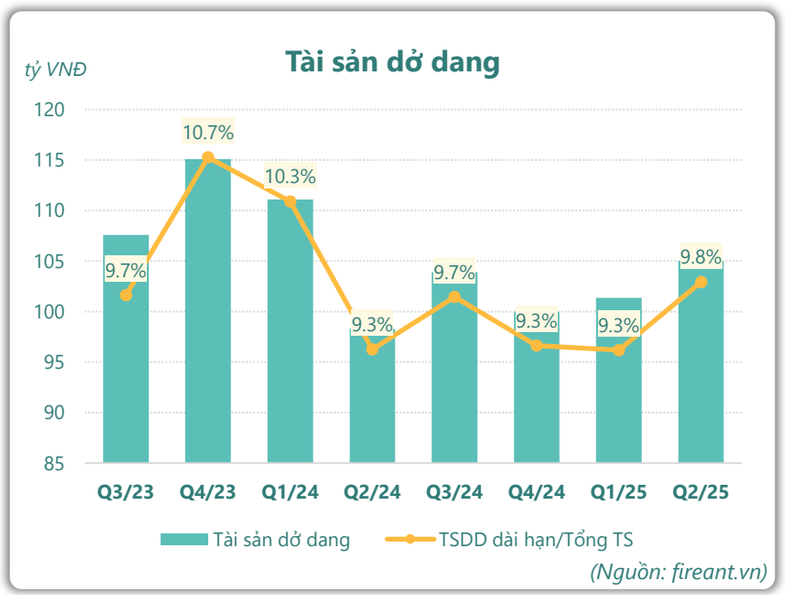
(Nguồn: fireant.vn)

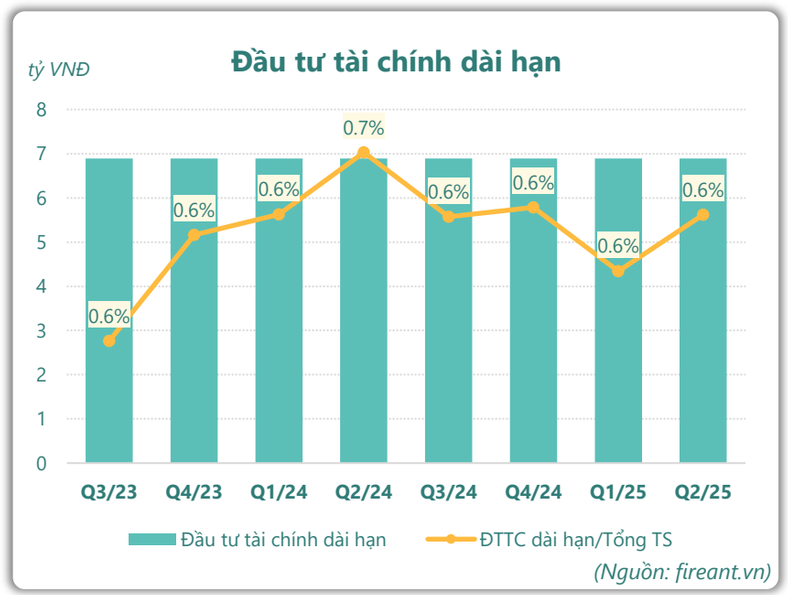
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

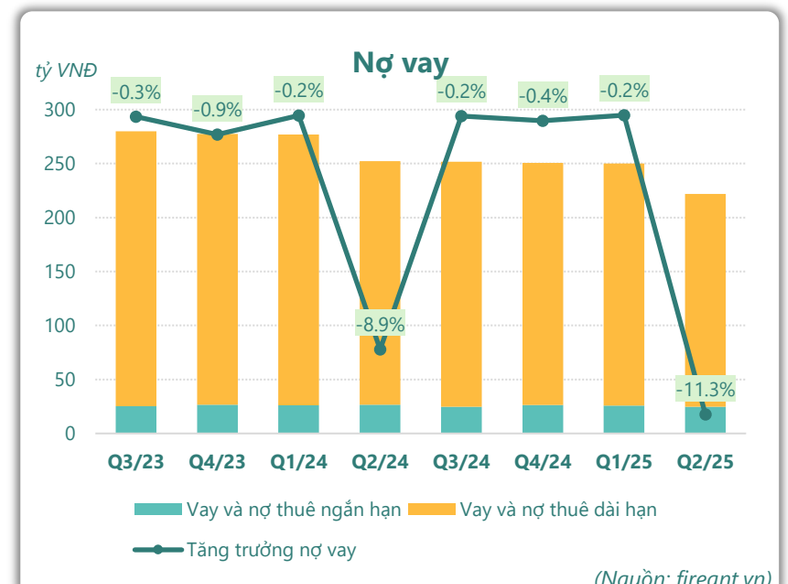






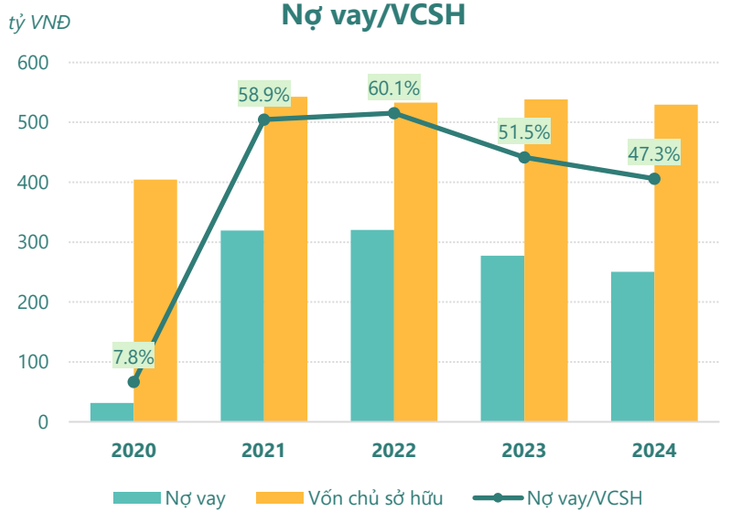






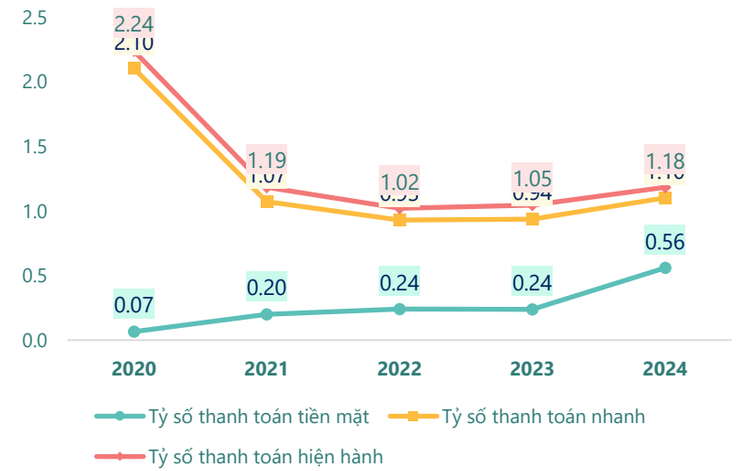
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



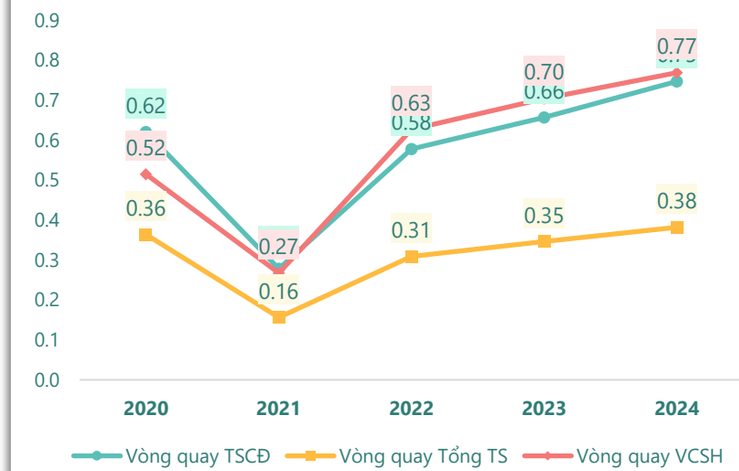
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



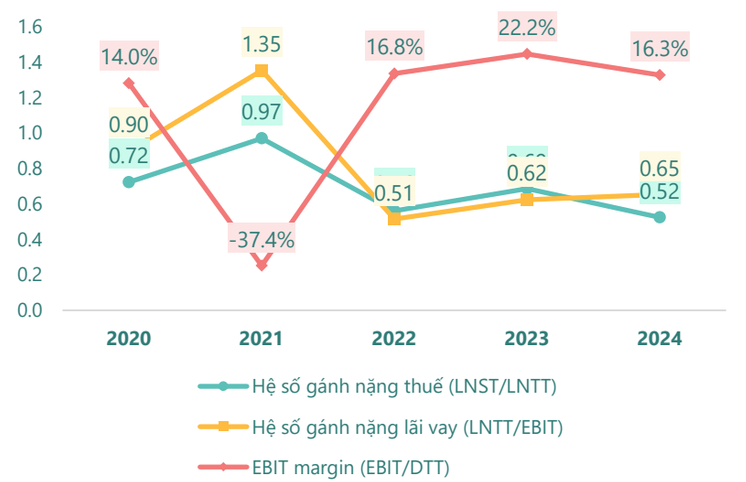
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



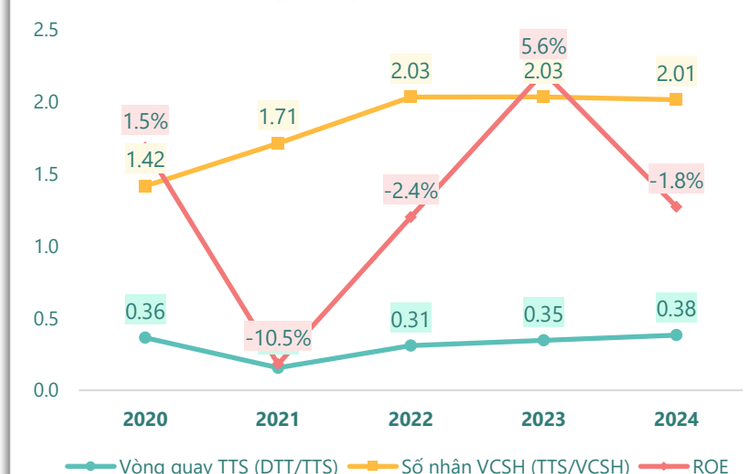
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



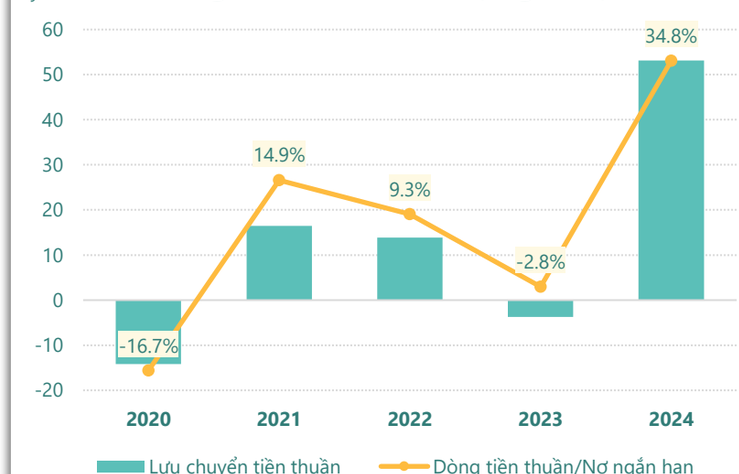
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**116**	**100**	**15.8%**	**236**	**213**	**10.6%**
Giá vốn hàng bán	49.1	46.9	4.6%	96.4	93.0	3.7%
Lợi nhuận gộp	66.7	53.1	25.6%	140	121	16.0%
Doanh thu HĐTC	3.31	1.32	150%	5.98	2.48	141%
Chi phí TC	5.65	6.19	-8.7%	12.1	13.0	-7.2%
Chi phí lãi vay	5.07	5.66	-10.4%	10.6	12.1	-12.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	15.3	13.4	14.1%	31.4	27.7	13.2%
Chi phí QLDN	**23.4**	**20.8**	**12.4%**	**46.2**	**44.8**	**3.1%**
LN thuần từ HĐKD	25.7	14.0	83.4%	56.2	37.5	49.9%
Lợi nhuận khác	**0.11**	**-16.4**	**101%**	**0.02**	**-16.4**	**100%**
LN trước thuế	25.8	-2.32	1211%	56.2	21.0	167%
Lợi nhuận sau thuế	**18.7**	**-7.10**	**364%**	**41.3**	**9.50**	**335%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.90**	**-10.1**	**149%**	**12.1**	**-6.53**	**286%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.67	59.6	19.9	40.7	39.4	33.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.09	-8.64	2.03	-17.8	0.61	-0.23
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.68	-38.7	-0.68	-18.2	-7.96	-40.4
Tiền đầu kỳ	32.2	31.1	43.4	64.7	85.4	117
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.10**	**12.3**	**21.3**	**4.70**	**32.0**	**-6.82**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0.13
Tiền cuối kỳ	31.1	43.4	64.7	69.4	117	111

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,074**	**1,072**	**0.2%**
Tài sản ngắn hạn	199	181	10.3%
Tiền và tương đương tiền	111	85.4	29.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	4.50	-88.8%
Phải thu ngắn hạn	68.3	70.7	-3.3%
Hàng tồn kho	11.4	12.4	-8.4%
Tài sản ngắn hạn khác	8.19	7.62	7.5%
Tài sản dài hạn	**874**	**891**	**-1.8%**
Phải thu dài hạn	17.5	17.5	0.0%
Tài sản cố định	525	536	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	105	99.9	5.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.89	6.89	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**140**	**144**	**-2.7%**
Lợi thế thương mại	79.7	86.5	-7.8%
Nợ phải trả	526	542	-2.9%
Nợ ngắn hạn	**161**	**153**	**5.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.7	26.4	-6.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	55.8	45.1	23.9%
Nợ dài hạn	365	389	-6.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	197	224	-12.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**548**	**530**	**3.4%**
Vốn chủ sở hữu	**548**	**530**	**3.4%**
Vốn điều lệ	905	905	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)